

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-12-2020

V/v “tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Công Trình

Bà Phan Thị Thúy Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Rum Ba – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 197/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1994. Có mặt.

Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên

Bị đơn: Anh Hà Văn Tr, sinh năm 1994. Vắng mặt. Xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn PA, xã HA, huyện PH, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Tr tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2016, được UBND xã HA, huyện PH, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 153/2016, ngày 19/12/2016. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi vã thường xuyên, Chị N và anh Tr đã sống ly thân hơn 06 tháng nay. Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên mong Tòa án sớm giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Chị N và anh Tr không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh Tr tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời trình bày ngày 09/12/2020 bị đơn anh Hà Văn Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Tr và chị N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HA, quá trình chung sống vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì đáng kể nhưng chị N tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở thị trấn HR, huyện SH sinh sống, vợ chồng anh Tr chị N đã không còn sống chung từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn anh Tr đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh Tr và chị N không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Tr và chị N tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc phải đi làm ăn xa ở Nha Trang nên anh Tr xin Tòa án xét xử vắng mặt anh Tr.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc nội dung giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tuân thủ đúng quy định pháp luật; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày, tranh luận của đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Tr do anh Tr đã có lời trình bày xin xét xử vắng mặt; Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết N đối với anh Hà Văn Tr, Về con chung: Chị N và anh Tr không có con chung nên đề nghị không xét; Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh Tr tự thỏa thuận giải quyết nên đề nghị không xét. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và về nội dung giải quyết vụ án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Hà Văn Tr đã được triệu tập hợp lệ và có lời trình bày xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Tr.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Tr tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được UBND xã HA, huyện PH, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 153/2016, ngày 19/12/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp. HĐXX nhận thấy tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và anh Tr đã có lời trình bày thống nhất ly hôn với chị N. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của N đối với anh Tr là có cơ sở, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh Tr không có con chung nên HĐXX không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh Tr tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết N đối với anh Hà Văn Tr.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002871 ngày 08/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên, chị N đã thi hành xong.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND H.PH;
- Chi cục THADS H.PH;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND xã HA (số 153/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Trần Minh Nhật

